

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2024

V/v tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình –
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 20/5B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A; vắng mặt; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 39/7C, khóm Đông Thịnh 1, phường M, thành phố L, tỉnh A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2024, Bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy Dung trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, bà với ông P tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Ông bà không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 15/5/2014. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống, tính tình vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng chính thức ly thân nhau. Do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phong.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có một con chung tên P, sinh ngày 14/6/2014, hiện nay cháu P đang sinh sống cùng ông P nên bà đồng ý để ông P được quyền tiếp tục nuôi con chung cũng đồng thời là nhằm phù hợp với nguyện vọng của cháu P; việc cấp dưỡng nuôi con bà sẽ tự thỏa thuận với ông P bên ngoài.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông P đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Phong đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Phong vẫn vắng mặt; không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà D có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2024.

Bị đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại Văn bản trình bày ý kiến của con chung là cháu P vào ngày 17/5/2024 có nội dung thể hiện nguyện vọng của cháu P là mong muốn Tòa án xem xét cho cháu được tiếp tục sống chung với cha ruột là ông P trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Bà D được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Giao con chung tên P, sinh ngày 15/5/2014 cho ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P và đồng ý để ông P được quyền nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn của vụ án là ông P có nơi cư trú tại nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông P không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D trình bày, vào năm 2013, bà với ông P tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Ông bà không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 15/5/2014. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng chính thức ly thân nhau. Do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Chứng minh cho lời trình bày, bà D có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2014, Quyền số 01/2014, ngày 15/5/2014 của UBND phường M, thành phố L, tỉnh A cấp cho ông P; Giấy khai sinh của con chung P, sinh ngày 14/6/2014. Như vậy, bà D đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông P vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Do đó, lời trình bày và chứng cứ mà ông P

cung cấp là cơ sở để HĐXX xác định hôn nhân giữa bà D với ông P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau là có thật.

HĐXX xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của vợ hoặc chồng, cả bà Dung với ông Phong đều đã vi phạm nghiêm trọng Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa của vợ chồng dành cho nhau. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nếu HĐXX tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên P, sinh ngày 14/6/2014; hiện con chung đang sinh sống cùng ông P. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của ông Phong; cháu Phú sinh sống ổn định và phát triển bình thường, cho thấy ông P có đủ điều kiện để tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu P và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, bà D vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng cho con, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông P vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông P về việc có hay không có yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu P nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà D trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án khác.

Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu gì; vì vậy HĐXX cũng không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà D với ông P vẫn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001899, ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê D được ly hôn với ông P.
2. Về con chung: Ông P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung P, sinh ngày 14/6/2014 cho đến khi con chung thành niên; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định pháp luật.

Ông P cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Lê D trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai có quyền ngăn cấm. Việc nuôi con chung không cố định. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001899, ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông P không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Phước, thành phố

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu